



Bài báo nghiên cứu

TRƯỜNG TRUNG HỌC KIỂU MẪU THỦ ĐỨC: MÔ HÌNH THỰC NGHIỆM GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở MIỀN NAM TRƯỚC NĂM 1975

*Hồ Sỹ Anh**, *Ngô Minh Oanh*

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Hồ Sỹ Anh – Email: hosyanh@ier.edu.vn*

Ngày nhận bài: 30-8-2023; ngày nhận bài sửa: 04-10-2023; ngày duyệt đăng: 18-10-2023

TÓM TẮT

Bài viết trình bày bối cảnh ra đời, mục tiêu và nhiệm vụ của Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức (THKMTĐ). Đây là mô hình trường học toàn diện – nơi có đủ các điều kiện để nghiên cứu, xây dựng và thực nghiệm Chương trình giáo dục hiện đại, tiệm cận với chương trình giáo dục Âu – Mỹ nhưng phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đó là chương trình Trung học Tổng hợp. Bài viết cũng trình bày ý nghĩa, của “Giáo dục Trung học Tổng hợp”, đặc tính căn bản, các hợp phần cấu tạo chương trình, cơ cấu bộ môn ở đệ nhất cấp (THCS) và đệ nhị cấp (THPT), cơ cấu phân ban ở đệ nhị cấp, quá trình đổi mới phương pháp dạy học, hoạt động giáo dục và kiểm tra, đánh giá học sinh (HS) khi thực hiện chương trình Trung học Tổng hợp (THTH). Trên cơ sở đó, bài viết đánh giá vai trò, những đóng góp của trường THKMTĐ đối với Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Sài Gòn và giáo dục miền Nam trước năm 1975.

Từ khóa: *Chương trình Trung học Tổng hợp; mô hình thực nghiệm giáo dục; thực hành sư phạm; trường trung học kiểu mẫu Thủ Đức*

1. Giới thiệu

Trường THKMTĐ, trực thuộc ĐHSPT Sài Gòn (Ministry of Education of the Republic of Vietnam, 1966, p.284), là nơi nghiên cứu, xây dựng và thực nghiệm chương trình giáo dục mới – Chương trình THTH. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, nhất là đổi mới chương trình và sách giáo khoa, việc tìm hiểu, kế thừa những kinh nghiệm hay trước đây là rất cần thiết. Từ suy nghĩ đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu về Trường THKMTĐ, một mô hình thực nghiệm giáo dục của nền giáo dục miền Nam trước năm 1975.

Đối tượng của nghiên cứu này là trường THKMTĐ giai đoạn 1964-1975. Đây là đề tài về lịch sử giáo dục nên phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Phương pháp lịch sử nghiên cứu bối cảnh ra đời, mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động của trường THKMTĐ giai đoạn 1965-1975, để nhận thức rõ hơn về mô hình đặc biệt

Cite this article as: Ho Sy Anh, & Ngo Minh Oanh (2023). Thu Duc demonstration secondary school: An experimental general education model in the South of Vietnam before 1975. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(11), 2052-2064.

của THKMTĐ: vừa là một trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm chương trình giáo dục; vừa là trường thực hành sư phạm; vừa hướng đến một hình mẫu cho học đường trung học Việt Nam. Phương pháp logic xem xét bản chất quá trình phát triển của trường THKMTĐ với sự chi phối của những yếu tố khách quan, chủ quan và những hoạt động, phát triển thể hiện sự đồng bộ giữa các yếu tố của nền giáo dục mới trong một trường học, như: triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục, chương trình giáo dục, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá HS và đội ngũ, cơ sở vật chất của trường.

Bài viết sử dụng các phương pháp hồi cứu tài liệu; phương pháp điều tra, phỏng vấn, thống kê. Nhóm nghiên cứu thu thập các đề tài nghiên cứu, sách, bài viết, tư liệu về Trường THKMTĐ tại các thư viện và Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TPHCM, các nguồn tài liệu khác, kể cả tài liệu công khai, hợp pháp trên mạng internet. Phương pháp điều tra phỏng vấn bằng phiếu hỏi được sử dụng để thu thập thông tin từ các nhóm khách thể là những người từng tham gia giảng dạy và học tập nơi đây.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu về bối cảnh ra đời Trường Trung học kiểu mẫu Thủ Đức

Sau Hiệp định Genève năm 1954, Việt Nam bị chia thành hai miền với chế độ chính trị – xã hội cùng hai nền giáo dục khác nhau. Ở miền Nam, Mỹ thay Pháp dựng nên chính quyền Việt Nam Cộng hòa (VNCH) năm 1955. Chính quyền này đã xây dựng một nền giáo dục mới. Chương trình giáo dục phổ thông sau năm 1955 kế thừa chương trình tiểu học và trung học, được ban hành từ năm 1949, dưới thời Quốc gia Việt Nam. Hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm, gồm tiểu học 5 năm, trung học đệ nhất cấp² 4 năm và trung học đệ nhị cấp³ 3 năm. Năm 1958, Đại hội Giáo dục Quốc gia lần thứ nhất đưa ra ba nguyên tắc **nhân bản, dân tộc và khai phóng**. Ba nguyên tắc này được xác định là những nguyên tắc căn bản của nền giáo dục. (Ministry of Education of the Republic of Vietnam, 1959, p.7). Năm 1964, Đại hội Giáo dục Quốc gia lần thứ hai được tổ chức, ba nguyên tắc trên được đổi lại là nhân bản, dân tộc và khoa học.

Mặc dù đã được cải tiến, nhưng chương trình giáo dục phổ thông ở miền Nam lúc đó vẫn nặng về trí dục, chưa chú trọng đến đức dục, thể dục và mỹ dục, từ đó, phương pháp giáo dục cũng chịu ảnh hưởng. Đó là phương pháp truyền thụ kiến thức một chiều, khiến cho HS thu nhận kiến thức thụ động, thiếu tinh thần chủ động, phê phán, suy luận, tìm tòi và thực nghiệm. Hậu quả là học đường tách rời với xã hội, kiến thức tách rời với thực tiễn, thiếu sự hướng dẫn nên HS không được phát triển theo đúng khả năng. Một bộ phận HS rời trường sớm mà không có kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp tạo nên sự lãng phí về nhân lực (Thu Duc Demonstration Secondary School, 1965, p.2).

² Tương đương cấp trung học cơ sở hiện nay

³ Tương đương cấp trung học phổ thông hiện nay

Khi tiếp xúc với nền giáo dục phương Tây, đặc biệt là giáo dục Hoa Kỳ, một số nhà giáo dục đã có những đề xuất về đổi mới giáo dục, không chỉ về nội dung chương trình, phương pháp dạy học, mà xây dựng một mô hình trường học kiểu mới cũng là yêu cầu cấp bách. Đây là một trong những giải pháp nhằm từng bước đưa giáo dục miền Nam thoát khỏi tính hàn lâm, tinh hoa của Pháp, để hướng đến nền giáo dục đại chúng, thực dụng và hiện đại của Hoa Kỳ.

Trước bối cảnh đó, Trường THPTĐ được thành lập do nhu cầu cấp thiết của giáo dục lúc bấy giờ. Đây là mô hình trường học toàn diện (comprehensive school), lần đầu tiên ra đời, đóng vai trò quan trọng trong đổi mới giáo dục và đào tạo giáo sư trung học ở miền Nam trước năm 1975.

2.2. Nghiên cứu về mục tiêu, nhiệm vụ của Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức

Trường THPTĐ là trường trung học đệ nhị cấp, trực thuộc ĐHSP Sài Gòn, được thiết lập do Nghị định số 945-GD/PC/NĐ ngày 19/5/1964 và sửa đổi bởi Nghị định số 840-GD/PC/NĐ ngày 12/6/1965 của Bộ Giáo dục VNCH. Trường THPTĐ có ba mục tiêu và nhiệm vụ, được ghi tại Niên giám khóa đầu tiên 1965-1966 của trường, gồm:

Thứ nhất, Trường THPTĐ là một trung tâm nghiên cứu và thực nghiệm giáo dục bậc trung học. Có 6 vấn đề cần được nghiên cứu và thực nghiệm, đó là: (i) Chương trình giáo dục bậc trung học; (ii) Các phương pháp giảng dạy tiên tiến; (iii) Thi cử, trắc nghiệm, kiểm tra, đánh giá học vấn; (iv) Chương trình hướng dẫn (Hướng học và Hướng nghiệp); (v) Tổ chức quản trị, điều hành và kiểm soát học đường hiệu quả; (vi) Hợp tác học đường với gia đình, học đường với địa phương.

Thứ hai, Trường THPTĐ là một nơi quan sát và thực hành sự phạm cho các SV sự phạm, nhằm tạo điều kiện cho giáo sinh có cơ hội tiếp xúc thường xuyên với học đường, với HS, với đồng nghiệp tương lai và thực hành những phương pháp giáo dục đã được học lí thuyết trên giảng đường.

Thứ ba, Trường THPTĐ là một trường toàn diện, hướng đến một hình mẫu mới cho học đường trung học tương lai. (Saigon University of Education, 1966, p.9)

2.3. Nghiên cứu về đặc điểm Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức

2.3.1. Trường Trung học kiểu mẫu Thủ Đức trực thuộc ĐHSP Sài Gòn

Trường THPTĐ có cơ chế quản lí đặc biệt là trực thuộc Trường ĐHSP Sài Gòn về phương diện hành chính và chuyên môn, không thuộc Nha Trung học (Bộ Giáo dục), như các trường trung học khác. Hiệu trưởng do Khoa trưởng Trường ĐHSP Sài Gòn đề nghị và Bộ Giáo dục bổ nhiệm. Về chuyên môn, do Hội đồng khoa ĐHSP Sài Gòn chỉ đạo. Tuy nhiên, THPTĐ vẫn có sự độc lập nhất định: có Ban giám đốc và một số phòng, ban trực thuộc riêng; được Bộ Giáo dục trao quyền tự chủ rất lớn, nghiên cứu đề xuất chương trình giáo dục, thực hiện tuyển sinh và thi tú tài I, tú tài II tại trường theo cách riêng. Hiệu

trường đầu tiên của trường (1965-1966) là giáo sư Dương Thiệu Tống⁴, Tổng Giám thị đầu tiên là giáo sư Nguyễn Huy Du. (Sai Gon University of Education, 1966, p.5).

2.3.2. Trường có đội ngũ, cơ sở vật chất đảm bảo phát triển toàn diện học sinh

Về cơ cấu tổ chức, ngoài Ban Giám đốc, trường có đầy đủ các ban (tổ chuyên môn), bao gồm: Quốc văn, Sinh ngữ, Triết, Toán, Lí – Hóa, Vạn vật, Kiến thức xã hội (Sử, Địa), Công dân, Âm nhạc, Hội họa, Thể dục, Doanh thương, Công kĩ nghệ, Kinh tế gia đình, Hướng dẫn giáo dục (còn gọi là ban Hướng dẫn khai đạo), Sinh hoạt học đường và ban Nghiên cứu giáo dục. Với cơ cấu bộ môn đầy đủ và đội ngũ giáo sư khá mạnh, nhiều người đã du học hay tu nghiệp ở nước ngoài, là giáo sư giỏi các trường trung học hoặc SV tốt nghiệp ĐHSP loại khá, giỏi, nhằm đảm bảo thực thi hai nhiệm vụ: phối hợp với Hội đồng khoa ĐHSP xây dựng và thực nghiệm chương trình giáo dục; thực nghiệm phương pháp mới về giảng dạy, đánh giá HS và tổ chức thi bằng trắc nghiệm.

Về cơ sở vật chất, Bộ Giáo dục có một dự án xây dựng Trường THPTĐ Khang trang, hiện đại, đầy đủ phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, bãi tập, vườn trường để có thể áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến, một chương trình hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu phát triển của HS. Trường được xây dựng ở xã Linh Xuân, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định, cách trung tâm Sài Gòn 14 km, khởi công ngày 26/5/1963 và hoàn thành ngày 30/3/1964. Trường gồm 3 dãy lầu, diện tích xây dựng là 5107m². Tòa nhà A, 3 tầng lầu dành cho Trường ĐHSP, với 40 phòng học, 8 phòng làm việc, giảng đường 1200 chỗ ngồi. Tòa nhà B, 2 tầng lầu, gồm các phòng học của các môn hướng nghiệp. Tòa nhà C, 3 tầng lầu, gồm nhiều phòng học cho các môn văn hóa, nghệ thuật, thư viện và 3 phòng thí nghiệm⁵. Trường có nhiều phòng học bộ môn của các môn: Công kĩ nghệ, Doanh thương, Kiến thức Xã hội, Sinh ngữ, Âm nhạc, Hội họa, phòng thí nghiệm Lí, Hóa, Vạn vật, thư viện; vườn thực tập Canh nông và hàng chục xe buýt để đưa đón HS.



Hình 1. Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức (Lam, 2020)

⁴ Sau năm 1975, TS. Dương Thiệu Tống là giảng viên Trường ĐHSP TPHCM. Năm 2008, ông được phong danh hiệu Giáo sư thuộc lĩnh vực Tâm lí – Giáo dục

⁵ Cơ sở này hiện nay thuộc Trường Đại học Thể dục – Thể thao TPHCM.

2.3.3. Trường có quy mô lớp nhỏ

Trường THPTĐ được thí điểm quy mô lớp nhỏ, 35 HS/lớp. Mỗi năm trường tuyển mới 4 lớp 6, với số lượng 140 HS. Năm học 1965 -1966 trường tuyển 280 HS (4 lớp 6 và 4 lớp 7), đến năm học 1970 – 1971, trường có đủ từ lớp 6 đến lớp 12, khoảng 980 HS. Đội ngũ giáo sư hơn 100 người (cả cơ hữu và thỉnh giảng), với tỉ lệ giáo sư/HS là 1/9. (Lam, 2020, p.22).

2.4. Nghiên cứu về Chương trình giáo dục tại Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức

Chương trình giáo dục được nghiên cứu và thực nghiệm tại Trường THPTĐ theo đường lối giáo dục mới. Trước hết, là dựa trên ba nguyên tắc nhân bản, dân tộc và khai phóng, sau đó được bổ sung thêm 2 nguyên tắc mới là “thực dụng” và “đại chúng” (Ministry of Education of the Republic of Vietnam, 1973, p.1).

2.4.1. Ý nghĩa của “Giáo dục trung học tổng hợp”

Ý nghĩa của “Giáo dục trung học tổng hợp” được lí giải như sau: Thứ nhất, về chương trình học, là một chương trình giáo dục kết hợp giữa “Chương trình giáo dục phổ thông” với “Chương trình giáo dục hướng nghiệp” một cách phù hợp; Thứ hai, về mục tiêu, giáo dục THPT hướng đến ba mục tiêu: (i) thực hiện giáo dục tổng quát cho mọi HS, nhằm đạt mặt bằng chung về trình độ văn hóa phổ thông và một thái độ sống thích hợp với gia đình, cộng đồng và xã hội; (ii) thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho một bộ phận HS phải ra đời sớm; (iii) thực hiện giáo dục hướng nghiệp giúp cho HS học tiếp sau trung học ở trong và ngoài nước; Thứ ba, giáo dục THPT là nền giáo dục được tổ chức (xây dựng và triển khai) theo các khám phá mới của khoa học giáo dục và tâm lí, nhấn mạnh đến sự uyển chuyển, phù hợp với khả năng và nhu cầu phát triển của quốc gia (Ministry of Education of the Republic of Vietnam, 1973, p.11).

2.4.2. Bốn đặc tính căn bản của giáo dục trung học tổng hợp

Chương trình THPT do Trường THPTĐ đề xuất có 4 phương thức giáo dục là: toàn diện, thích nghi, thực dụng và tân tiến. Tuy nhiên, khi đệ trình Bộ Giáo dục, được một Hội đồng chuyên môn do Bộ Giáo dục thành lập, xem xét, ra soát và đưa ra 4 đặc tính căn bản của chương trình THPT, làm nền tảng cho việc tổ chức chương trình, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và đánh giá HS, đó là: phát triển con người toàn diện; thực dụng hóa giáo dục; cá nhân hóa giáo dục; và dân chủ hóa giáo dục.

Phát triển con người toàn diện: Giáo dục THPT không những coi 4 phần giáo dục Đức, Trí, Thể, Mĩ quan trọng ngang nhau, mà còn coi trọng đến giáo dục tình cảm và xã hội. Trong đó, giáo dục tình cảm quan niệm rằng, con người khỏe mạnh, cường tráng cần phải có một tâm hồn lành mạnh, trưởng thành và thăng bằng về tình cảm; Về giáo dục xã hội, HS cần có các cung cách, tư thế, cách xử sự, sự hiểu biết, kĩ năng và thái độ cần thiết để có thể thích nghi với đời sống xã hội, giao tiếp một cách tự nhiên, chân thật, tình cảm.

Thực dụng hóa giáo dục: tính thực dụng liên quan đến sự hữu ích của kiến thức, mẫu người mà nhà trường muốn đào tạo và vai trò của nhà trường đối với cộng đồng, quốc gia. Kiến thức học hỏi được cần phải mang ra áp dụng, thực hành nhằm giúp ích cho cuộc sống cá nhân và xã hội. Do đó, lối dạy và học thuần lý thuyết được thay bằng lối dạy – học thiên về thực hành, quan sát, thí nghiệm, du khảo, nhằm giúp HS rèn luyện tư duy phán đoán, suy luận, sáng tạo, giải quyết vấn đề. Việc học tập của HS hướng đến ba mục tiêu: thu nhận kiến thức, phát triển tài năng, kỹ năng và có được một thái độ sống phù hợp với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội. Giáo dục nhà trường phản ánh được xã hội, không xa rời hoàn cảnh địa phương và quốc gia.

Cá nhân hóa giáo dục: cá nhân hóa giáo dục, liên quan đến nhận biết sự khác biệt nơi HS, đáp ứng sự khác biệt đó và phát huy tối đa khả năng và sở thích của HS. Do đó, mỗi HS được học một chương trình thích hợp để khả năng và sở thích của mỗi em được phát huy, nhằm phát triển cá nhân tốt nhất.

Dân chủ hóa giáo dục: dân chủ hóa giáo dục là mọi người đều có cơ hội bình đẳng về giáo dục, mọi HS đều có cơ hội phát huy tối đa khả năng và sở thích của mình. Giáo dục THPT trao quyền lựa chọn ngành học, môn học, kế hoạch học tập cho HS, nhà trường và giáo sư không áp đặt, HS được chủ động tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện.

2.4.3. Nội dung chương trình Trung học Tổng hợp

- *Cấu trúc chương trình*

Chương trình giáo dục Tổng hợp nhằm phát triển toàn diện HS, hài hòa cả 6 khía cạnh Đức, Trí, Thể, Mĩ, Tình cảm và Xã hội, được xây dựng theo cấu trúc gồm 3 phần:

Giáo dục phổ thông: gồm đủ các môn học đang được giảng dạy ở trường trung học, trong đó có Triết học (lớp 12), Quốc Văn, Sinh Ngữ (Anh/Pháp), Sử – Địa, Toán, Khoa học (tích hợp các môn Vật lý, Hóa học và Vạn vật), Công dân. Bên cạnh đó, ba môn Hội họa, Âm nhạc và Thể dục là những môn học bắt buộc ở đệ nhất cấp, đến đệ nhị cấp, ba môn này là các môn học lựa chọn.

Giáo dục hướng nghiệp: gồm các môn Công kỹ nghệ, Doanh thương, Kinh tế gia đình và Canh nông. Phần giáo dục này có mục tiêu: khắc phục những hạn chế của nền giáo dục nặng lý thuyết, từ chương, khoa cử, không tạo cho HS những kỹ năng hữu dụng trong cuộc sống và chuẩn bị cho thanh thiếu niên vào đời; đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân viên kỹ thuật cho nhiều ngành nghề khác nhau; giúp HS yêu lao động, phát triển óc tổ chức, tinh thần hợp tác. Giáo dục hướng nghiệp không nhằm đào tạo chuyên viên, nhưng chuẩn bị cho HS có đủ kiến thức, thông tin để chọn ngành nghề đúng khả năng và sở thích.

Giáo dục hướng dẫn và sinh hoạt học đường: gồm các môn Hướng dẫn giáo dục, Hướng dẫn đạo đức và Sinh hoạt học đường.

- *Cơ cấu các môn học, hoạt động giáo dục trung học đệ nhất cấp*

Chương trình THPT được xây dựng theo quan điểm tích hợp ở các lớp cấp học thấp, phân hóa dần và phân hóa mạnh ở các lớp, cấp học cao.

Chương trình THPT ở độ nhất cấp, có sự tích hợp ở lớp 6, lớp 7, và phân hóa dần ở lớp 8, lớp 9. Ở lớp 6 và 7, môn Khoa học tích hợp 3 môn Vật lí, Hóa học và Vạn vật, nhưng đến lớp 8 và 9, môn Khoa học được phân thành 3 môn: Vật lí, Hóa học, Vạn vật. Môn Kiến thức xã hội (Sử – Địa) tích hợp giữa lịch sử và địa lí, từ lớp 6 đến lớp 9.

Lớp 6 và 7, là 2 năm “Khám phá”, HS được học các môn học giống nhau. Lớp 8 và lớp 9, là 2 năm “Dự hướng”, ngoài các môn chung, HS được lựa chọn 2 môn nhiệm ý theo khả năng và sở thích, trong số 8 môn học (Hội họa, Âm nhạc, Công nghệ (nam), Kinh tế gia đình (nữ), Canh nông, Doanh thương, Thể thao, Võ thuật).

Với mục tiêu phát triển toàn diện, đặc biệt là đạo đức, nhân cách, khả năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), cả tiếng Việt và ngoại ngữ nên ở lớp 6 và lớp 7, các môn thuộc Khoa học xã hội và Nhân văn, Sinh ngữ được coi trọng (Việt văn và Sinh ngữ đều 5 giờ/tuần). Tổng số giờ học⁶ các môn này nhiều hơn so với số giờ học các môn Toán, Khoa học, Công nghệ, Canh nông. Đến lớp 8 và lớp 9, các môn Việt văn, Sinh ngữ giảm giờ dạy, trong khi giờ dạy các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Vạn vật được tăng lên. Điều này phù hợp với tâm lí và khả năng tiếp thu của HS, sau 13 tuổi, trẻ có tư duy phân hóa cao. Nếu ở lớp 6 và 7, các môn Toán, Khoa học quá nặng, dẫn đến có HS không theo kịp, chán nản và bỏ học.

- *Môn học và hoạt động giáo dục trung học đệ nhị cấp*

Đệ nhị cấp, là cấp học định hướng nghề nghiệp nên có sự phân hóa rất mạnh, số ban nhiều hơn, phương thức phân hóa là kết hợp phân ban và tự chọn. HS sẽ chọn một trong 7 ban (trường trung học bình thường có 4 ban), gồm: Ban A (Khoa học), Ban B (Toán), Ban C (Văn chương), Ban D1 (Doanh thương văn phòng), Ban D2 (Doanh thương kế toán), Ban K1 (Công nghệ Toán), Ban K2 (Công nghệ chuyên nghiệp). Trong đó:

- HS phải học 8 môn/hoạt động giáo dục bắt buộc chung cho tất cả các ban, gồm: Việt văn, Triết, Kiến thức xã hội, Công dân, Sinh ngữ, Hướng dẫn giáo dục, Thể dục và Sinh hoạt học đường.

- HS chọn các môn học chính ban và môn học phụ thuộc. Chẳng hạn, ban B (ban Toán), môn Toán (7 giờ toán/tuần), các môn phụ thuộc như Sinh ngữ (5 giờ/tuần), Vật lí (5 giờ/tuần), Hóa học (1 giờ/tuần), Vạn vật (01 giờ/tuần)...

- HS chọn thêm 2 , còn môn theo sở thích, trong số 13 môn sau (Việt văn, Sinh ngữ, Toán, Vạn vật, Vật lí, Hóa học, Kinh tế gia đình, Doanh thương, Công nghệ, Canh nông, Hội họa, Âm nhạc, Võ thuật). Hai môn theo sở thích này không kiểm tra, đánh giá.

2.5. Thực nghiệm phương pháp dạy học, kiểm tra – đánh giá và hoạt động giáo dục

2.5.1. Thực nghiệm dạy và học theo phương pháp Thuyết trình

Phương pháp giảng dạy và học tập mới của Trường THPTMTĐ là phương pháp Thuyết trình (gần giống với Dạy học dự án hiện nay). Phương pháp dạy học này có 5 bước:

⁶ Mỗi giờ học 55 phút

Bước 1: HS được phân thành từng nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, HS sẽ tự bầu ra trưởng nhóm; Bước 2: Mỗi nhóm sẽ được giao cho một đề tài nằm trong chương trình của môn học; Bước 3: Giáo sư hướng dẫn tổng quát về đề tài, tài liệu và sách giáo khoa; Bước 4: Nhóm tự tổ chức việc phân công trong nhóm từ truy tìm tài liệu, viết bài, thuyết trình, chuẩn bị và trả lời các câu hỏi của các bạn học; Bước 5: Tổ chức buổi thuyết trình, hoàn toàn do HS tự điều khiển. Sau buổi thuyết trình, giáo sư tổng kết, nêu rõ ưu khuyết điểm của buổi thuyết trình, chính thức đánh giá buổi thuyết trình và cho điểm. Ở lớp 6 và 7, HS mới làm quen, từ lớp 8 trở đi, việc dạy học Thuyết trình tổ chức nhiều hơn.

2.5.2. *Thực nghiệm phương pháp dạy học bằng du khảo*

Giáo sư Trường THPTĐ còn áp dụng phương pháp học tập qua du khảo. Phương pháp này rất phong phú, linh hoạt, thể hiện ở 2 yếu tố là “Du” và “Khảo”. “Du” có ý nghĩa địa điểm học tập không phải trong khuôn viên trường. Còn “khảo” cho thấy nội dung của phương pháp học tập là trực tiếp quan sát, tìm hiểu đối tượng học tập. Đặc tính “Du” đòi hỏi nhà trường phải có phương tiện mới thực hiện được. Đây là vấn đề khó, nhưng Trường THPTĐ được đầu tư nhiều xe buýt và phụ huynh tài trợ kinh phí xăng xe, bảo trì.

Để thực hiện Du khảo, giáo sư xây dựng kế hoạch chi tiết, như: mục đích, địa điểm du khảo, liên lạc, tiếp xúc, xác định chương trình, ngày giờ, nhân sự, chuẩn bị của HS các điều kiện, phương tiện để các em có thể tiếp thu tối đa kiến thức và kinh nghiệm. Sau du khảo, HS viết tường trình cho biết những điều mà các em đã học hỏi được.

2.5.3. *Thực nghiệm phương pháp dạy học tập thể*

Để phục vụ nhiệm vụ thực hành của sinh viên sư phạm, Trường THPTĐ thực hiện Phương pháp dạy học tập thể (Team – Teaching). Theo đó, các giáo sinh sẽ phụ tá cho giáo sư chính đang giảng dạy môn học, cùng với giáo sư chính chuẩn bị bài dạy. Các giáo sinh phụ tá (2 hoặc 3 người), được phân công chuẩn bị những công việc phù hợp với khả năng, sở thích của mỗi người. Một bài giảng sẽ gồm 2 phần: Phần thuyết trình/giảng bài và Phần thảo luận/thực hành.

Phần thuyết trình có thể tập trung một hoặc hai lớp. Giáo sư chính chịu trách nhiệm, các phụ tá có thể hỗ trợ sử dụng thiết bị dạy học hoặc làm thí nghiệm (nếu có). Về phần thảo luận/thực hành, HS sẽ được chia ra thành từng nhóm, dưới sự hướng dẫn của các phụ tá, cùng với giáo sư chính. Phương pháp này áp dụng với nhiều môn học, mang lại nhiều lợi ích, bài giảng được chuẩn bị chu đáo. Phần thảo luận rất đa dạng, có nhiều sáng tạo, linh hoạt, nhằm hướng HS đến các tư duy như phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề.

Qua phương pháp dạy học này, giáo sinh, vừa là người hỗ trợ vừa là người học. Dần dần, họ được giao thay nhau đứng lớp chính, giáo sư chính và các giáo sinh khác là người hỗ trợ. Qua đó, giáo sinh thực tập dạy học và quản lí lớp. Giáo sinh còn được nội trú tại Trường THPTĐ, nghĩa là phụ giúp tất cả mọi công việc tại trường để quen thuộc với công việc của giáo sư trung học, giám thị, tổng giám thị, giám học và hiệu trưởng, các sổ sách và hồ sơ của trường Trung học.

2.5.4. Thử nghiệm kiểm tra, đánh giá theo phương pháp mới

Việc kiểm tra, đánh giá HS được tiến hành theo nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật, đảm bảo các nguyên tắc: (i) Việc đánh giá thành quả học tập phải bao gồm 6 khía cạnh giáo dục toàn diện (đức, trí, thể, mỹ, tình cảm và xã hội); (ii) Các hình thức trắc nghiệm, thi viết, vấn đáp được sử dụng linh hoạt hoặc phối hợp; (iii) Đánh giá phải dựa vào mục tiêu, chú trọng kiến thức, kỹ năng, thái độ. (iv) Đánh giá có sự phối hợp của nhiều người như giáo sư chủ nhiệm, giáo sư dạy môn, giám học, tổng giám thị.

Trường THKMTĐ không sử dụng thang đánh giá điểm số từ 0 đến 20 như các trường trung học khác, mà chuyển hẳn sang đánh giá theo thang 5 bậc bằng các ký tự A,B,C,D và L. Trong đó, A: Rất Giỏi (tương đương Hạng Ưu); B: Giỏi (Hạng Bình); C: Khá (Hạng Bình thứ); D: Thường (Hạng Thứ); L: Loại (Chưa đạt/Hông/Rớt). Loại A (tương đương điểm số từ 16 – 20 điểm), loại B (14 – dưới 16 điểm), loại C (12 – dưới 14 điểm), loại D (9 – dưới 12 điểm), loại L (0 – dưới 9 điểm).

THKMTĐ áp dụng trắc nghiệm trong thi tuyển đầu vào, thi Tú tài I và Tú tài II. Vì lý do thử nghiệm chương trình giáo dục, hai kì thi tú tài được tổ chức riêng tại trường, theo quy chế riêng do Bộ Giáo dục ấn định, có thêm phần thi vấn đáp. Cách chấm bài kì thi này khó hơn so với chấm bài trong kì thi Tú tài II phổ thông. Hai bằng của Trường THKMTĐ và THKM Huế được Bộ Giáo dục công nhận tương đương với bằng Tú tài I và Tú tài II, do Tổng trưởng giáo dục cấp. Từ năm 1972, chỉ còn bằng Tú tài Trung học tổng hợp.

2.5.5. Thử nghiệm phương thức mới về phối hợp nhà trường và gia đình

Để thực nghiệm thành công chương trình giáo dục mới, cần có sự phối hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình. Ngày 18/9/1965, một đại hội phụ huynh và giáo chức được tổ chức. Đại hội giúp phụ huynh hiểu được mục tiêu, chương trình học, thấy được cơ sở vật chất, trang thiết bị, thí nghiệm của trường và bầu ra Ban chấp hành hội. Ban chấp hành này họp mỗi tháng một lần để thảo luận kế hoạch phối hợp giáo dục HS và giúp giải quyết những vấn đề khó khăn. Hội phụ huynh đồng tình tài trợ chi phí chuyên chở HS hằng ngày, du khảo và bảo trì phương tiện. Là mô hình hoạt động mới nên nhận được sự quan tâm của Trường ĐHSP, Khoa trường đã đến dự khai mạc và chứng kiến đại hội. (Saigon University of Education, 1966, p.20).

2.5.6. Thử nghiệm chương trình Sinh hoạt học đường

Sinh hoạt học đường được coi là một phần quan trọng trong chương trình THPT. Nhà trường chú trọng đến việc khuyến khích HS tham gia và tự tổ chức các hoạt động, giáo sư là người hỗ trợ. Các giáo sư trong ban “Sinh hoạt học đường” đã xây dựng, biên soạn chương trình, với 2 phần: “Sinh hoạt Đoàn ngũ” và “Tổ chức – Thực tập – Tranh đua”. Sinh hoạt học đường nhằm phát huy sở thích và khả năng xã hội, phát triển trí tuệ, sáng tạo, thể thao, thể dục, tinh thần dân chủ ngay trong phạm vi học đường.

2.5.7. Thử nghiệm chương trình Hướng dẫn giáo dục

Để thực hiện cá nhân hóa giáo dục, vai trò của môn Hướng dẫn giáo dục rất quan trọng. Chương trình Hướng dẫn giáo dục áp dụng những kỹ thuật tiên tiến về **khoa học hướng học và hướng nghiệp** nhằm tìm hiểu những khả năng, sở thích, nhu cầu của HS và hướng dẫn các em trong học tập, lựa chọn ngành học đúng với khả năng và nghề nghiệp thích hợp trong tương lai. Chương trình này còn giúp HS giải quyết những vấn đề khó khăn riêng. Trường THPTMTĐ thiết lập phòng **Hướng dẫn khải đạo** do các giáo sư được đào tạo bài bản về tâm lý học, trắc nghiệm tâm lý, kỹ thuật phỏng vấn để tư vấn tâm lý, hướng học và hướng nghiệp cho HS. Hướng học tìm hiểu những năng khiếu của HS để điều chỉnh các em học tập hiệu quả. Hướng nghiệp có mục đích tìm tòi những khả năng, hứng thú của HS về mỗi nghề, giúp họ phát triển đúng khả năng, lựa chọn nghề nghiệp thích hợp.

2.6. **Kết quả thực nghiệm Chương trình Trung học tổng hợp**

Đến cuối năm học 1970-1971, Trường THPTMTĐ đã hoàn tất thực nghiệm Chương trình THPT một vòng, từ lớp 6 đến lớp 12. Việc thi tốt nghiệp là vấn đề khó khăn được đặt ra khi xây dựng Dự án Trường THPTMTĐ. ĐHSP Sài Gòn đã đệ trình và được Bộ Giáo dục đồng ý cho Trường THPTMTĐ và Trường trung học kiểu mẫu Huế tổ chức thi tại mỗi trường theo quy chế riêng. Trong 11 năm (1965-1975), THPTMTĐ đã có 4 khóa tốt nghiệp. Tỷ lệ HS đỗ Tốt nghiệp THPT là 84,9% (Lam, 2020). Tỷ lệ này lúc đó là rất cao so với tỷ lệ tốt nghiệp Tú tài II của toàn miền Nam (rất thấp, chưa tới 45%).

Bảng 1. Kết quả 4 kì thi “Thành Chung Trung học Tổng hợp” Trường THPTMTĐ

Năm thi	Số dự thi	Số thi đậu	Tỷ lệ %
1971	125	105	84,0%
1972	106	91	85,8%
1973	104	83	79,8%
1974	129	115	89,1%
Tổng	464	394	84,9%

Nguồn: (Lam, 2020)

Trường THPTMTĐ được đánh giá thành công trong việc thực nghiệm chương trình THPT. Kết quả này góp phần đưa đến Bộ Giáo dục ra Nghị định số 2346-GD/TTHBDGD/HV/NĐ ngày 10-12-1971, ban hành chương trình THPT đệ nhất cấp; và Nghị định số 5770 GD/TTH/HV/NĐ ngày 22-6-1972, ban hành chương trình THPT đệ nhị cấp. Hai chương trình giáo dục này có nhiều nội dung trùng với chương trình giảng dạy tại THPTMTĐ, nhất là các môn hướng nghiệp, Hướng dẫn giáo dục và Sinh hoạt học đường.

Từ 3 trường trung học Kiểu mẫu: Thủ Đức, Huế và Cần Thơ, số trường áp dụng Chương trình THPT tăng lên 11 trường áp dụng vào năm 1968 và kế hoạch của Bộ Giáo dục tăng lên hàng trăm trường sau năm 1973 và toàn bộ các trường trung học sau đó.

3. Kết luận

Thứ nhất, việc nghiên cứu, thực nghiệm mô hình trường THPT và chương trình giáo dục THPT là một chủ trương thống nhất của Bộ Giáo dục, nhằm từng bước giảm dần tính hàn lâm, tinh hoa của giáo dục Pháp, tăng cường tính đại chúng và thực tiễn để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Quá trình này được thực hiện một cách thận trọng, không triển khai ồ ạt để tránh sai lầm. Bộ Giáo dục giao cho các trường kiểu mẫu thuộc Trường ĐHSP Sài Gòn, Trường ĐHSP Huế và Trường ĐHSP Cần Thơ thí điểm trước, sau đó mở rộng dần cho các trường trung học khác. Đồng thời, bắt đầu thiết lập các trung tâm kỹ thuật tổng hợp để giảng dạy các môn hướng nghiệp cho nhiều trường trung học trong một khu vực, nhằm giảm kinh phí khi trang bị cho tất cả các trường. Thành phần hội đồng rà soát chương trình THPT năm 1972, do Bộ Giáo dục thành lập, chỉ có 8 giảng viên ĐHSP Sài Gòn và 5 giáo sư Trường THKMTĐ (chiếm 20%), trong khi 80% số còn lại là chuyên viên Bộ giáo dục, giảng viên ĐH khác, giáo sư các trường trung học trong toàn miền Nam, nhằm đảm bảo tính thực tiễn của chương trình giáo dục (Ministry of Education of the Republic of Vietnam, 1973, pp.61-64). Trường THKMTĐ trở thành hình mẫu cho học đường trung học gọi là “trường THPT”. Mô hình trường THPT sẽ thay thế dần trường trung học ở miền Nam, sau năm 1970.

Thứ hai, quá trình xây dựng và thực nghiệm chương trình THPT tại THKMTĐ là kết quả nghiên cứu phối hợp giữa Hội đồng khoa ĐHSP Sài Gòn và giáo sư Trường THKMTĐ, có sự hỗ trợ của các giáo sư ĐH Ohio, Hoa Kỳ. Hội đồng khoa của ĐHSP Sài Gòn nghiên cứu chương trình rất tỉ mỉ trước khi đem ra thực hiện. Điều này cũng đã giúp Trường ĐHSP Sài Gòn mở ngành đào tạo giáo sư trung học đệ nhất cấp các môn Công kỹ nghệ, Doanh thương, Kinh tế gia đình và Hướng dẫn giáo dục. Qua đó, đội ngũ giảng viên lĩnh vực giáo dục của ĐHSP Sài Gòn được nâng lên về số lượng và chất lượng, đủ điều kiện để được cấp phép đào tạo cao học, tiến sĩ giáo dục từ năm học 1969-1970. (Ministry of Education and Youth of the Republic of Vietnam, 1969a, 1969b).

Thứ ba, Trường THKMTĐ là một trường học toàn diện, đồng bộ giữa các yếu tố như: triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục, chương trình giáo dục, đội ngũ nhà giáo, thiết bị dạy học, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản trị nhà trường. Những nội dung như giáo dục toàn diện, dạy học tích hợp, đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá HS... đã được nghiên cứu, thực nghiệm và áp dụng thành công tại đây. Hiện nay, chúng ta đang tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện giáo dục, nhất là đổi mới chương trình và sách giáo khoa, vì vậy, Trường Trung học Thực hành thuộc Trường ĐHSP TPHCM nói riêng và các trường thực hành trong cả nước nói chung cần tham khảo những mặt tốt của Trường THKMTĐ để có thể phát triển theo hướng trở thành trung tâm nghiên cứu và thực nghiệm giáo dục; trường thực hành sư phạm và là trường tự chủ, chất lượng cao, hội nhập quốc tế.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Nguồn ngân sách khoa học và công nghệ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong đề tài mã số CS.2022.19.07 ĐH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lam, V. T. (2020). *Trường Trung học kieu mau Thu Duc: Mot duong loi va phuong phap giao duc tan tien cua Viet Nam Cong hoa* [Thu Duc Demonstration Secondary School: One line and Advanced educational method of Republic of Vietnam]. <https://usvietnam.uoregon.edu/truong-trung-hoc-kieu-mau-thu-duc-mot-duong-loi-va-phuong-phap-giao-duc-tan-tien-cua-viet-nam-cong-hoa/>
- Ministry of Education of the Republic of Vietnam. (1959). *Chương trình Trung học 1959* [General Education Program 1959]. Vietnam Documents 2050, National Archives Center II, Ho Chi Minh City.
- Ministry of Education of the Republic of Vietnam. (1966). *Chi nam sinh vien Dai hoc Sai Gon 1966* [Structions for Saigon University students 1966]. National Archives Center II, Ho Chi Minh City.
- Ministry of Education and Youth of the Republic of Vietnam. (1969a). *Nghi dinh so 1726-GDTN/PCHV/ND ngay 11-8-1969 thiet lap van bang cao hoc giao duc tai Dai hoc Su pham Sai Gon tu nien khoa 1969 – 1970* [Decree No. 1726-GDTN/PCHV/ND dated on August 11, 1969 on establishing graduate diploma in education at Saigon University of Education from the 1960-1970 school year]. National Archives Center II, Ho Chi Minh City.
- Ministry of Education and Youth of the Republic of Vietnam. (1969b). *Nghi dinh so 1727-GDTN/PCHV/ND ngay 11-8-1969 thiet lap van bang tien si giao duc quoc gia tai Dai hoc Su pham Sai Gon tu nien khoa 1969 – 1970* [Decree No. 1727-GDTN/PCHV/ND dated on August 11, 1969 on establishing doctoral degrees in national education at Saigon University of Education from the 1960-1970 school year]. National Archives Center II, Ho Chi Minh City.
- Ministry of Education of the Republic of Vietnam. (1973). *Du thao chương trình trung học Tổng hợp* [Draft Curriculum for General Education]. National Archives Center II, Ho Chi Minh City.
- Saigon University of Education. (1966). *Nien khoa dau tien 1965 – 1966 trường Trung học kieu mau Thu Duc* [The first school year 1965-1966 of Thu Duc Demonstration Secondary School]. National Archives Center II, Ho Chi Minh City.
- Thu Duc Demonstration Secondary School. (1965). *Du an dai cuong de trinh Hoi dong khoa Dai hoc Su pham* [General Project submitted to the Faculty Council of the University of Education]. National Archives Center II, Ho Chi Minh City.

**THU DUC DEMONSTRATION SECONDARY SCHOOL: AN EXPERIMENTAL
GENERAL EDUCATION MODEL IN THE SOUTH OF VIETNAM BEFORE 1975*****Ho Sy Anh* , Ngo Minh Oanh****Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam***Corresponding author: Ho Sy Anh – Email: hosyanh@ier.edu.vn**Received: August 30, 2023; Revised: October 04, 2023; Accepted: October 18, 2023***ABSTRACT**

The paper presents the social context for the establishment, goals, and tasks of Thu Duc Demonstration Secondary School (THKMD). This was a comprehensive school - where there were enough conditions to conduct research, develop, and experiment with a modern general education curriculum learning from the general education curriculums of European and American countries while still in alignment with Vietnamese practices. It is the comprehensive secondary general education curriculum. The paper also discusses the meanings of “comprehensive secondary general education,” basic specifications, curriculum components, academic division structure at the first level (lower secondary) and the second level (upper secondary), a divisional structure at the second level, innovation of teaching methods, educational activities and student assessment while implementing the comprehensive secondary general education curriculum. Based on these, the paper also evaluates the role and contributions of Thu Duc Demonstration Secondary School to Saigon University of Education and Southern General Education before 1975.

Keywords: Comprehensive Secondary General Education Curriculum; educational experimental model; pedagogical practice; Thu Duc Demonstration Secondary School